

Số: /KH-BQLKCN

Đắk Nông, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ban Quản lý các khu công nghiệp xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan; phân công cụ thể nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc nhằm tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu của Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Đổi mới tư duy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến thu hút đầu tư; xác định lộ trình, thời gian, nhiệm vụ, giải pháp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức công vụ của công chức, viên chức (CCVC), nhất là người đứng đầu cơ quan, lãnh đạo phòng, đơn vị trong thực hiện công tác CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư.

- Thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm nhằm đạt kết quả cao trong thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, công khai, minh bạch, kỷ cương, liêm chính, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh gọn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; xây dựng đội ngũ CCVC đủ năng lực, phẩm chất và uy tín để phục vụ người dân, doanh nghiệp bảo đảm tuân thủ nghiêm quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách

pháp luật của Nhà nước về đẩy mạnh CCHC, thu hút đầu tư, hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, giai đoạn 2023 – 2025 và 2025 – 2030 của cơ quan, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 20-NQ/TU 04/11/2022, Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 30/12/2022.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) Đến năm 2025

- 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc lĩnh vực cơ quan tham mưu được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thể thức ban hành văn bản QPPL.

- 100% văn bản QPPL được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý sau khi được kiểm tra, rà soát.

- Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi đối tượng, thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo nhằm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị đã đề ra; thực hiện tốt công tác chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

b) Đến năm 2030

Cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm phù hợp với thể chế của nền hành chính hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Đến năm 2025

- Tối thiểu 85% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Tối thiểu 85% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 35% trở lên.

- Tối thiểu 85% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; trong đó, ít nhất 85% TTHC được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu từ 60% trở lên.

- 100% TTHC của cơ quan được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Hoàn thành số hóa, cập nhật dữ liệu 100% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của cơ quan để kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

b) Đến năm 2030

- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 75% trở lên.

- Tối thiểu 90% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Đến năm 2025

- Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện nghiêm phân cấp, phân quyền hợp lý giữa cấp trên và cấp dưới gắn với quyền hạn và trách nhiệm; giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập; giảm 5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan đạt tối thiểu 90%.

b) Đến năm 2030

- Tiếp tục giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan đạt tối thiểu 95%.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a) Đến năm 2025

Xây dựng được đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

b) Đến năm 2030

- Từ 35% đến 45% số lãnh đạo thuộc tập thể lãnh đạo Ban, trên 50% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc Ban và tương đương có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

2.5. Cải cách tài chính công

a) Đến năm 2025

Tối thiểu 50% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành Công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

b) Đến năm 2030

Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính trong cơ quan và đơn vị sự nghiệp công lập; giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Đến năm 2025

- 100% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 50% hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan.

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

- 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng.

b) Đến năm 2030

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 70% hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan.

2.7. Các chỉ số của cơ quan

a) Đến năm 2025

Phân đầu Chỉ số CCHC của cơ quan đạt thứ hạng trong top 10 đơn vị dẫn đầu; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức về sự phục vụ hành chính của cơ quan đạt từ 90% trở lên.

b) Đến năm 2030

Phân đầu Chỉ số CCHC đạt thứ hạng trong top 5 đơn vị dẫn đầu; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về sự phục vụ hành chính của cơ quan đạt từ 95% trở lên.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách dự toán được giao hàng năm của cơ quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị trực thuộc Ban

- Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm đúng thời gian quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên quán triệt, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các phòng, đơn vị. Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả và gửi về Văn phòng Ban tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Văn phòng Ban

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp chung nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác CCHC thuộc các lĩnh vực phụ trách, quản lý.

- Tham mưu lãnh đạo Ban giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan và các chỉ số khác có liên quan.

- Hằng năm, tham mưu lãnh đạo Ban tổ chức đánh giá, xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có giải pháp, sáng kiến hiệu quả và thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác CCHC.

- Tham mưu lãnh đạo Ban báo cáo CCHC hằng quý, 6 tháng và hằng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.

- Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về nhiệm vụ cải cách TTHC; chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực thi TTHC, hướng dẫn các phòng, đơn vị thực hiện công khai, niêm yết TTHC đúng quy định; rà soát TTHC và báo cáo công bố kết quả rà soát.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan tham mưu lãnh đạo Ban tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan bảo đảm quy định của pháp luật; theo dõi, tổng hợp việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức về TTHC của cơ quan.

- Thực hiện tổng hợp, đánh giá kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc giải quyết TTHC tại cơ quan và công khai kết quả đánh giá trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, trang Websiter của cơ quan.

- Tham mưu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; tham mưu, triển khai việc phân bổ ngân sách cho các đơn vị trực thuộc theo quy định.

- Chủ trì tham mưu đổi mới cơ chế tự chủ, chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC giai đoạn, hằng năm, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, hiện đại hóa nền hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan.

- Hướng dẫn các phòng, đơn vị đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về các nội dung CCHC giai đoạn 2021 - 2030.

3. Các đơn vị trực thuộc Ban

- Chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động thuộc phòng, đơn vị triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính hàng năm, giai đoạn 2023- 2025 và 2025 - 2030 của cơ quan; các nhiệm vụ cải cách hành chính trong kế hoạch này thuộc lĩnh vực của phòng trông.

- Phối hợp với văn phòng Ban triển khai thực hiện tốt các nội dung có liên quan trong công tác cải cách hành chính

- Chủ trì tham mưu triển khai có hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); đẩy mạnh thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Hằng năm tổ chức đo lường, khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động,... của cơ quan, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ công vụ; tiến hành phân tích, đánh giá và có giải pháp tích cực để cải thiện mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đảm bảo theo mục tiêu theo Kế hoạch đề ra.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- VP, phòng NVTH;
- Công ty PTHTKCN Tâm Thắng;
- Ban Quản lý Khu NNUDCNC;
- Lưu: VT (b, 12b).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Xuân Việt